TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2020/DS-ST
Ngày: 08 - 12 - 2020
V/v đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2020/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P. L, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường E, phường A, quận K, thành phố Đ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm H.P, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường N, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số công chứng 0052xx, quyển số 08TP/CC/HĐGD ngày xx/x/201x tại Văn phòng công chứng Nguyễn H.O.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm X. U – Công ty TNHH MTV Phạm R thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Q. H, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường G, Phường I, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị T.Y, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường G, Phường I, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn V. M, sinh năm 1972; địa chỉ: Phường M, quận C, thành phố Đ. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Lâm H. P là đại diện của nguyên đơn trình bày: Do bà L và ông Nguyễn Q.H vừa là bạn học thời phổ thông vừa có mối quan hệ cô cháu trong họ nên khi nghe ông H cho biết đang kinh doanh xuất heo nguyên con còn sống sang Trung Quốc, đang cần nhiều vốn để kinh doanh nên có đề nghị bà L chuyển tiền cho ông H và sẽ được hưởng tiền lãi nên bà L đã đồng ý. Theo thỏa thuận của 02 bên, nếu bà L chuyển cho bị đơn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), tương đương 1 chuyến hàng/3 ngày thì tiền lãi nhận được là 62.000.000 đồng, nếu chuyển 3.000.000.000 đồng thì tương đương một ngày sẽ nhận được tiền lãi là 62.000.000 đồng. Việc thỏa thuận này không lập biên bản, chỉ thể hiện qua tin nhắn, cuộc gọi điện thoại và chuyển trả tiền qua tài khoản ngân hàng. Thực hiện thỏa thuận, bà đã chuyển cho ông H 6 lần với tổng số tiền 3.900.432.000 đồng, ông H có chuyển trả lại 1.000.000.000 đồng. Sau đó, do ông H không rõ ràng trong việc thu mua, các chuyến xuất bán, việc lời lỗ của mỗi chuyến hàng nên bà L có đề nghị trả lại toàn bộ tiền gốc đã nhận. Nhằm xoa dịu bà L, ông H chuyển 300.000.000 đồng thanh toán tiền lãi tương ứng với 6 chuyến hàng đã xuất và cam kết sẽ trả số tiền gốc còn lại trong thời gian sớm nhất nhưng ông H chỉ chuyển trả được 02 đợt vào ngày 14/3/2017 và 24/4/2017, mỗi đợt 500.000.000 đồng và ngừng luôn cho đến nay. Đối với số tiền còn lại, dù bà L đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H không thực hiện, cố tình trốn tránh, cắt đứt liên lạc, không nghe điện thoại, không gặp mặt. Nay, bà L khởi kiện buộc ông H trả số tiền gốc còn thiếu là 1.900.432.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 01/2017 đến tháng 4/2018 là: 1.900.432.000 đồng x 1%/tháng x 15 tháng = 228.051.840 đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Q. H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hoàng Thị T.Y vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn V.M trình bày tại bản tự khai ngày 31/10/2019: Quá trình giao dịch giữa vợ ông – bà Nguyễn Thị P. L với bị đơn – ông Nguyễn Q.H ông không biết nhưng sau đó có nghe bà L nói lại. Toàn bộ số tiền bà L chuyển cho ông H là tiền riêng của bà L , không phải tài sản chung của vợ chồng, bà L được toàn quyền quyết định và ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, kể cả khi xét xử.

Do có đương sự vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa :

Đại diện nguyên đơn trình bày: Theo như đơn khởi kiện, do làm tròn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 1.900.432.000 đồng. Đối với số tiền 300.000.000 đồng do bị đơn chuyển trả vào các ngày 12, 23/01/2017 và ngày 25/02/2017 nguyên đơn cho rằng là tiền bị đơn trả lãi tương ứng với 6 chuyến hàng đã xuất. Nay, nguyên đơn xác định số tiền gốc bị đơn phải trả là 1.900.382.600 đồng và số tiền 300.000.000 đồng được trả vào tiền gốc còn thiếu và xác định lại yêu cầu khởi kiện theo đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ký ngày 30/11/2020 như sau :

Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 1.600.382.600 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn cũng đồng ý trừ ra phí chuyển tiền là 402.600 đồng của 02 đợt chuyển tiền ngày 07,09/01/2017 đối với số tiền gốc còn phải trả. Vậy số tiền gốc bị đơn phải trả là 1.599.980.000 đồng. Trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, không yêu cầu trong vụ án này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Phạm X.U trình bày: Dựa vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như do Tòa án thu thập được khẳng định việc nguyên đơn có chuyển cho bị đơn tổng số tiền là 3.900.382.600 đồng vào việc "kinh doanh thịt heo và trả lãi". Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả ngay một lần cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.599.980.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc còn thiếu. Yêu cầu này thể hiện thiện chí của nguyên đơn và không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn phải chịu lãi do chậm thi hành án đối với nghĩa vụ phải thi hành cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa ngày hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn lại phát sinh từ việc chuyển trả tiền; đây là vụ án tranh chấp "Đòi tài sản" theo Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 02, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì "*Ông Nguyễn Q.H (1974) cùng vợ là bà Hoàng Thị T.Y (1982) có tạm trú tại địa chỉ Đường G, Phường I, quận Tân Bình*". Do đó, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn tại Toà án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng của Viện kiểm sát và đương sự*: Do Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do ông Nguyễn V.M có quan hệ hôn nhân với nguyên đơn; bà Hoàng Thị T. Y có quan quan hệ hôn nhân với bị đơn. Xét, việc giải quyết vụ án có thể làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với ông M , bà Y, do vậy cần đưa bà Y, ông M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn V. M có đơn xin vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hoàng Thị T.Y đã được triệu tập hợp lệ hơn hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho những đương sư vắng mặt theo quy định.

[2] Nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 1.599.980.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Công văn số 132/2020/CV-PGD LCC ngày 19/8/2020 và trích lục sổ phụ tài khoản do Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cung cấp đều trùng khớp với lời trình bày của nguyên đơn về họ tên của chủ tài khoản, số chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú và tạm trú của nguyên đơn và bị đơn cũng như quá trình chuyển, trả tiền giữa hai bên như sau:

Ngày	Nguyên đơn chuyển bị đơn (đ)	Ngày	Bị đơn chuyển trả nguyên đơn (đ)
14/12/2016	1.000.000.000	20/12/2016	500.000.000 500.000.000
27/12/2016	499.990.000 499.990.000	12/01/2017	50.000.000
30/12/2016	680.000.000	23/01/2017	50.00.000 100.000.000
		25/02/2017	100.000.000
07/01/2017	820.000.000 (phí chuyển 270.600)	14/3/2017	500.000.000
09/01/2017	400.000.000 (phí chuyển 132.000)	24/4/2017	500.000.000
Tổng cộng	3.899.980.000 (k tính phí chuyển tiền)		2.300.000.000

Theo bảng liệt kê các khoản tiền chuyển, trả giữa hai bên như trên thể hiện phí chuyển tiền vào ngày 07/01/2017 và ngày 09/01/2017 là 402.600 đồng. Theo 02 phiếu chuyển tiền trên đều thể hiện "người nộp tiền chịu" và phía nguyên đơn cũng không chứng minh được có thỏa thuận bị đơn phải chịu. Đối với số tiền 300.000.000 đồng, trước đây nguyên đơn cho rằng bị đơn trả tiền lãi tương ứng với 6 chuyến hàng đã xuất nhưng không có chứng cứ nào chứng minh việc bị đơn trả số tiền này là trả lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả đã phí chuyển tiền 402.600 đồng, cũng như đồng ý trừ số tiền 300.000.000 đồng vào số tiền gốc và xác định lại số tiền gốc bị đơn phải trả là 1.600.382.600 đồng. Xét, việc thay đổi yêu cầu như trình bày trên là do nguyên đơn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên hội đồng xét xử ghi nhận. Vậy số tiền gốc bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 1.599.980.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với các khoản tiền đã nhận, khoản đã trả và số tiền còn thiếu. Từ những phân tích trên, đối chiếu với lời trình bày của đại diện nguyên đơn, phát biểu của luật sư nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền gốc là 1.599.980.000 đồng cho nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu bà Y có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn rút yêu cầu về việc buộc bị đơn trả tiền lãi trên số tiền nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không giải quyết. Yêu cầu này sẽ được giải quyết thành một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về thời gian trả nợ: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ và không có mặt trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn có trách nhiệm trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã đóng đối với việc rút yêu cầu về tiền lãi.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị P.L.

1.1/ Buộc ông Nguyễn Q. H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P. L số tiền 1.599.980.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2/ Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trên số tiền gốc còn thiếu.

1.3/ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu luật pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.999.400 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm đồng).

Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã đóng là 37.284.838 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai số AA/201x/00378xx ngày xx/xx/201x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo